

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO**

**Kết quả rà soát các chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân  
sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng**

(Kèm theo Công văn số /BXD-VTATGT ngày tháng năm 2025)

Thực hiện Thông báo kết luận số 8/TB-VPCP ngày 08/01/2025 của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp về chính sách phát triển phương tiện giao thông xanh, Bộ Xây dựng đã rà soát, tổng hợp các chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng của 25 địa phương và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Chi tiết kết quả rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:

**1. Tổng quan về hoạt động vận tải hành khách công cộng trên toàn quốc**

**1.1. Về mạng lưới tuyến**

Hiện nay, trên toàn quốc có 62/63 tỉnh thành có hệ thống vận tải hành khách công cộng (VTHKCC) bằng xe buýt, trong đó 02 thành phố Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có mạng lưới phát triển nhất và đã có hoạt động vận tải đường sắt đô thị (Hà Nội có 02 tuyến, TP Hồ Chí Minh có 01 tuyến). Như vậy, đến nay chỉ còn lại tỉnh Lai Châu là chưa có hoạt động vận tải VTHKCC bằng xe buýt do điều kiện đặc thù về địa hình, đường sá khó khăn đi lại, dân cư thưa thớt. Các địa phương cơ bản đều có đề án phát triển VTHKCC bằng xe buýt được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt.

**1.2. Về hạ tầng phục vụ VTHKCC:**

Tính đến hết tháng 12/2024, cả nước có hơn 31.004 điểm dừng, trong đó có 2.651 điểm có nhà chờ. Tỷ lệ số điểm dừng có nhà chờ đạt 8,6%, trong đó tỷ ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là 13,8%, 03 thành phố loại I Trung ương là 16.0%, các tỉnh có đô thị loại I cấp tỉnh là 8,8% và các tỉnh còn lại là 5,5%. Các điểm dừng có nhà chờ chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm đô thị, nơi có lượng hành khách tập trung lớn hơn so với các khu vực ngoại thành.

**1.3. Về phương tiện:**

Theo thống kê, hiện cả nước có khoảng 8.909 xe buýt, trong đó 89% là xe chạy bằng dầu diesel, 8% sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (CNG), và khoảng 5% là xe buýt điện. Cụ thể, tổng số có 449 xe buýt điện; trong đó, có 299 xe do Công ty VinBus vận hành (phân bổ tại Hà Nội (202 xe), Phú Quốc (51 xe), TP.HCM (33 xe) và Nha Trang (13)) và 150 xe do Công ty Phương Trang vận hành tại TP.HCM. Tổng số xe buýt tại Hà Nội có 2.162 xe, trong đó: buýt trợ giá là 1.882

xe với 337 xe sử dụng năng lượng sạch (139 xe CNG và 202 xe buýt điện), chiếm 15,8% tổng số xe buýt. Tổng số xe buýt tại TP. Hồ Chí Minh có 2.359, trong đó buýt có trợ giá 1.901 xe với 711 xe sử dụng năng lượng sạch (528 xe CNG, 183 xe điện) chiếm 30,1% tổng số xe buýt.

#### 1.4. Về kế hoạch chuyển đổi tại một số đô thị lớn

Định hướng về phát triển phương tiện giao thông công cộng, hiện nay tại 5 thành phố lớn (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) đã xây dựng các kế hoạch phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng nhằm chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải. Trong đó:

- Hà Nội, TP. HCM đã có những kế hoạch cụ thể trong chuyển đổi xe buýt diesel sang xe buýt điện, năng lượng xanh. Tại Hà Nội năm 2025 chuyển đổi 103 xe, giai đoạn 2026-2030 chuyển đổi 1.813 xe, giai đoạn 2031-2035 chuyển đổi 238 xe. Tại TP. Hồ Chí Minh từ năm 2025: các tuyến buýt mới sẽ sử dụng 100% xe điện, 572 xe diesel sẽ chuyển đổi sang xe điện từ năm 2027, 395 xe sẽ chuyển đổi sang xe điện từ năm 2028 và 268 xe chuyển đổi sang xe điện từ năm 2029; từ năm 2030, 100% xe buýt sử dụng năng lượng sạch.

- Các thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ đặt ra định hướng từ năm 2025, 100% xe buýt mới sử dụng điện hoặc năng lượng xanh. Đến năm 2030, 50% phương tiện sử dụng điện, 100% xe taxi mới sử dụng năng lượng sạch. Đến năm 2050, 100% phương tiện GTCC sử dụng điện, năng lượng xanh.

#### 1.5. Về tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng tại một số đô thị

Tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng (%)	Năm 2021 (%)	Năm 2022 (%)	Năm 2023 (%)
Hải Phòng	2,2	2,8	4,2
Hà Nội	13,81	18,5	19,5
TP Hồ Chí Minh	2,24	4,82	5,79

## 2. Hiện trạng các chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) và một số địa phương đã ban hành nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện cá nhân sang phương tiện giao thông công cộng; trong đó tập trung vào hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng, chính sách về phát triển kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Cụ thể:

#### 2.1. Chính sách đối với doanh nghiệp vận tải

(1) Hiện nay, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đang thực hiện theo Quyết định 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, cụ thể:

- Miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện chưa sản xuất được trong nước cho phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Ưu tiên xây dựng Trung tâm quản lý vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để giám sát và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Trợ giá cho xe buýt nhằm giảm giá vé, thu hút người dân sử dụng phương tiện công cộng.

(2) Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, cụ thể:

- Các tổ chức, cá nhân có thể vay vốn từ tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện và kết cấu hạ tầng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Nhiều địa phương trên cả nước đã có những quy định cụ thể về mức hỗ trợ lãi suất như Hải Phòng<sup>1</sup> mức hỗ trợ bằng 50% lãi suất vay mua sắm phương tiện, thời gian được hỗ trợ lãi suất không quá 05 năm, Vĩnh Phúc mức hỗ trợ bằng 80% lãi suất vay trong hạn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và mua sắm mới phương tiện xe buýt, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế<sup>2</sup>....

- Tuy nhiên, tại Thông tư 02/2016/TT-BTC mới quy định chung cho các loại xe buýt, mà chưa có nhưng chính sách ưu tiên hỗ trợ lãi suất khi mua xe sử dụng điện, năng lượng xanh do giá thành của các loại phương tiện hiện nay là khá cao, đặc biệt là xe buýt điện.

(3) Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ. Cụ thể:

- Ô tô điện chạy pin được miễn lệ phí trước bạ lần đầu trong 3 năm đầu, sau đó giảm 50% so với xe chạy xăng/dầu trong 2 năm tiếp theo.

## 2.2. Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng giao thông công cộng

- Theo thống kê tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng đã có đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; trong đó, có ưu tiên bố trí vốn cho đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông công cộng như: điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, điểm đỗ xe, chỗ bán vé xe buýt cũng như nghiên cứu bố trí quỹ đất để xây dựng trạm sạc cho xe buýt điện, trạm cung cấp nhiên liệu CNG.

- Tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đang vận hành một số tuyến đường sắt đô thị và đang đẩy nhanh hoàn thiện các tuyến đường sắt đô thị khác thúc đẩy hoàn thiện mạng lưới giao thông công cộng nhằm thu hút người dân chuyển đổi phương tiện cá nhân sang sử dụng vận tải hành khách công cộng.

---

<sup>1</sup> Quyết định: số 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017, Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 quy định về cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

<sup>2</sup> Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 quy định về cơ chế hỗ trợ phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

### 2.3. Chính sách hỗ trợ người dân, người tham gia phương tiện giao thông công cộng

Cơ chế, chính sách trợ giá cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng được quy định cụ thể tại Điều 7 Quyết định 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015. Trong đó:

- Miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.
- Giảm giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam.

Kết quả thực hiện: Việc miễn/ giảm giá vé xe buýt<sup>3</sup> tại các thành phố lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng) đã có các văn bản quy định cụ thể về việc miễn, giảm giá vé xe buýt, tuy nhiên các đối tượng được miễn giảm còn khác nhau giữa các địa phương. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung đối tượng hành khách như công nhân làm việc tại khu công nghiệp, cán bộ, công nhân làm việc tại khu vực trung tâm đô thị,..., được miễn, giảm giá vé cũng như có những chính sách đột phá hơn nữa trong việc hỗ trợ người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng nhằm khuyến khích, thu hút thêm việc chuyển đổi phương tiện giao thông cá nhân sang phương tiện giao thông công cộng.

### 2.4. Một số chính sách khác

- Hiện nay, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đang nghiên cứu thí điểm thí điểm thu phí phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm để giảm ùn tắc và khuyến khích sử dụng phương tiện công cộng.
- Xây dựng lộ trình hạn chế xe mô tô, xe gắn máy trong nội đô tại một số thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- Các chính sách về hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, điều hành hệ thống giao thông công cộng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động vận tải hành khách công cộng.

## 3. Đề xuất các chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng

Trong bối cảnh đô thị ngày càng phát triển, tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường đang trở thành vấn đề cấp bách. Tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, số lượng phương tiện

---

<sup>3</sup> - Quyết định 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Quyết định: số 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017, số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 quy định về cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND TP. Hà Nội về việc Ưu tiên phát triển hệ thống VTKHCC khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống GTVT

- Quyết định 3736/QĐ-UBND ngày 20/11/2021 về việc phê duyệt phương án về các tuyến VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn TP. Đà Nẵng từ năm 2021 đến năm 2027.

cá nhân đang gia tăng nhanh chóng. Hiện nay, Hà Nội có khoảng 7,6 triệu phương tiện cá nhân, trong đó có hơn 1 triệu ô tô và khoảng 6,5 triệu xe máy. TP. Hồ Chí Minh có hơn 9 triệu phương tiện, trong đó khoảng 900.000 ô tô và 8 triệu xe máy.

Tuy nhiên, tỷ lệ đảm nhận của GTCC năm 2023 tại Hà Nội đạt khoảng 19,5%, TP. Hồ Chí Minh mới đạt khoảng 5,79%, trong khi ở các thành phố khác như Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ chỉ đạt khoảng 3%-8%. Việc chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng GTCC là một giải pháp quan trọng nhằm cải thiện chất lượng môi trường sống và nâng cao hiệu quả giao thông đô thị. Để thực hiện quá trình này một cách hiệu quả, cần có các chính sách đột phá hơn nữa từ Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương trong hỗ trợ doanh nghiệp vận tải, người dân và người tham gia phương tiện GTCC.

Để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Bộ Xây dựng đề xuất nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách như sau:

### 3.1. Chính sách đối với doanh nghiệp vận tải

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND cấp tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

(1) Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ tài chính, trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, miễn giảm tiền thuê đất, kéo dài thời gian hợp đồng cho các doanh nghiệp đầu tư phương tiện điện.

(2) Thực hiện cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội hoá để tập trung phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và đường sắt đô thị, tối ưu hoá mạng lưới xe buýt, tăng tần suất các tuyến có lưu lượng khách đi lại lớn, tăng tuyến và mở rộng vùng phục vụ trên các quận, huyện trọng điểm, phát triển hệ thống trạm sạc và dịch vụ cho phương tiện sử dụng năng lượng điện.

### 3.2. Chính sách hỗ trợ người dân, người tham gia phương tiện giao thông công cộng

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND cấp tỉnh thực hiện ngay một số nội dung sau:

(1) Nghiên cứu mở rộng phạm vi đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi sử dụng phương tiện công cộng (công nhân làm việc tại khu công nghiệp, cán bộ, công nhân làm việc tại khu vực trung tâm đô thị,...); các chính sách khuyến khích và thu hút người dân sử dụng như tổ chức ngày di chuyển xanh (lựa chọn một ngày trong tuần cung cấp dịch vụ xe buýt miễn phí 1 phần hoặc toàn bộ cho người dân, miễn phí cho người sử dụng đi lại ở cự ly ngắn, hoặc khi di chuyển trên các tuyến có điểm đầu và điểm cuối trong vành đai 1,...).

(2) Nghiên cứu xây dựng cơ chế sử dụng vé thông minh kết nối liên thông giữa các phương thức vận tải hành khách công cộng (xe buýt, vé tàu điện, xe khách); đa dạng các loại vé theo nhu cầu và mục đích của người sử dụng (như vé đi lại theo giờ, vé đi lại trong nội vùng, vé ưu đãi theo ngày trong tuần). Đa dạng hóa hình thức bán vé (trực tiếp, Online, qua điện thoại...) và loại vé (vé lượt, vé tuyến, vé liên tuyến v.v...) phù hợp với nhu cầu của hành khách.

(3) Nghiên cứu tăng phí đỗ xe cá nhân trong khu vực trung tâm đô thị; hạn chế các loại xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô cá nhân, đặc biệt là các loại xe sử dụng nhiên liệu hoá thạch lưu thông tại các khu vực trung tâm của đô thị.

(4) Thúc đẩy, ban hành sớm các chính sách liên quan đến hạn chế phương tiện cá nhân: Áp dụng các biện pháp kiểm soát phương tiện cá nhân như thu phí vào nội đô, hạn chế đăng ký xe mới.

### 3.3. Chính sách khác

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 các mức ưu đãi tối thiểu về thuế, tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (bãi đỗ xe, trạm sạc, xưởng sửa chữa...).

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đường sắt đô thị./.

**Phụ lục 01: Tổng hợp các chính sách Trung ương hỗ trợ phát triển phương tiện GTCC**

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện
1	Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt,...	Luật số 03/2022/QH 15 Ngày 11/01/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Với ô tô điện chạy pin 9 chỗ ngồi trở xuống, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt từ 15% xuống còn 3% đến 28/2/2027 và 11% từ 1/3/2027.</li> <li>- Với ô tô điện chạy pin từ 10 chỗ đến 16 chỗ, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt từ 10% xuống còn 2% đến 28/2/2027 và 7% từ 1/3/2027.</li> <li>- Với ô tô điện chạy pin từ 16 chỗ đến 24 chỗ, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt từ 5% xuống còn 1% đến 28/2/2027 và 4% từ 1/3/2027.</li> <li>- Với ô tô điện chạy pin chở người và chở hàng, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt từ 10% xuống còn 2% đến 28/2/2027 và 7% từ 1/3/2027.</li> </ul>	- Chính sách giảm thuế tiêu thụ đặc biệt ô tô điện được đánh giá là có tác động tích cực đến doanh nghiệp sản xuất và người tiêu dùng. Doanh nghiệp sẽ giảm gánh nặng về thuế, cung ứng ra thị trường những dòng xe với mức giá tốt hơn, người tiêu dùng sẽ có cơ hội mua xe điện với giá tiết kiệm hơn.
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.	Luật số 106/2016/Q H13 Ngày 06/04/2016	- Ô tô chở người (<24 chỗ) sử dụng năng lượng sinh học có mức thuế suất thuế TTĐB thấp hơn so với ô tô chỉ sử dụng xăng thông thường hoặc dầu diesel. Cụ thể, thuế suất thuế TTĐB từ 10% đến 150% đối với ô tô chở khách sử dụng nhiên liệu truyền thống, tùy theo số chỗ ngồi và dung tích động cơ. Thuế suất thuế TTĐB đối với ô tô sử dụng năng lượng sinh học là từ 5% đến 75% và đối với ô tô sử dụng năng lượng hỗn hợp (tỷ trọng xăng tiêu thụ <70%) là từ 7% đến 105%.	- Là chính sách góp phần khuyến khích, thúc đẩy phát triển các loại hình phương tiện hybrid, buýt CNG trong giai đoạn 2016-2021.
3	Quy định về Lệ phí trước bạ	Nghị định 10/2022/NĐ-CP Ngày 15/01/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô tô điện chạy pin:</li> <li>+ Trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 0%.</li> <li>+ Trong vòng 2 năm tiếp theo: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.</li> </ul>	- Nghị định này có hiệu lực từ 01/03/2022 đã góp phần thúc đẩy người sử dụng chuyển đổi sang sử dụng phương tiện ô tô điện, thân thiện môi trường.
4	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (*)	Quyết định số 876/QĐ-TTg Ngày 22/07/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giai đoạn 2022 - 2030:</li> <li>+ Thúc đẩy sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và chuyển đổi sử dụng các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện; mở rộng phối trộn, sử dụng 100% xăng E5 đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</li> <li>+ Từ năm 2025: 100% xe buýt thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Từ năm 2030: Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt tối thiểu 50%; 100% xe taxi thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> </ul>	- Các Bộ ngành; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT. Tuy nhiên để có thể triển khai thực hiện lộ trình chuyển đổi đoàn phương tiện VTHKCC theo mục tiêu đề ra tại QĐ số 876/QĐ-TTg các thành phố cần có nguyên tắc, lộ trình chuyển đổi rõ ràng; có nguồn ngân sách đầu tư phương tiện, trợ giá bảo đảm ổn định hoạt động của mạng lưới; có các cơ chế chính

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến năm 2040: Từng bước hạn chế tiến tới dừng sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch để sử dụng trong nước.</li> <li>- Đến năm 2050: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 100% phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tham gia giao thông chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>+ 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> </ul> </li> </ul>	sách hỗ trợ vay vốn và lãi vay cũng như kế hoạch đầu tư, xây dựng hệ thống trạm sạc, trạm tiếp nhiên liệu phục vụ hoạt động của các phương tiện vận tải công cộng thân thiện với môi trường.
5	Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống giao thông công cộng, vận tải hành khách khối lượng lớn (MRT), hạn chế sự gia tăng phương tiện giao thông cá nhân ở các đô thị lớn.</li> <li>- Thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện, xe sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo); xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.</li> </ul>	- Hệ thống giao thông vận tải công cộng khối lượng lớn như đường sắt đô thị, BRT mới được đưa vào sử dụng chính thức 01 tuyến ĐSĐT tại Hà Nội (ĐSĐT số 2A Cát Linh - Hà Đông), 01 tuyến BRT Kim Mã - Yên Nghĩa. Tiến độ đầu tư xây dựng các tuyến ĐSĐT khác tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh còn chậm so với quy hoạch.
6	Đề án nâng cao chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đến năm 2020.	Quyết định số 3446/QĐ-BGTVT Ngày 04/11/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường khả năng tiếp cận của hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> <li>- Tăng cường thông tin hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> <li>- Hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> <li>- Nâng cao tính tiện nghi của dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> <li>- Đảm bảo an ninh, an toàn giao thông.</li> <li>- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.</li> <li>- Tăng cường công tác quản lý.</li> </ul>	



**Phụ lục 02: Tổng hợp các chính sách hỗ trợ phát triển phương tiện GTCC tại một số địa phương**

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
1	Hà Nội			
-	Kế hoạch phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố, giai đoạn từ năm 2021 đến 2030.	Quyết định số 201/KH-UBND Ngày 16/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe buýt: Đến năm 2025, tỷ lệ đảm nhận của xe buýt từ 16%-18% tương ứng cần khoảng 4.000-4.500 phương tiện 60 chỗ. Đến năm 2030, tỷ lệ đảm nhận của xe buýt phần đầu đạt 25% tương ứng cần khoảng 6.700-6.800 phương tiện 60 chỗ. Trong đó phương tiện sử dụng năng lượng sạch từ 5%÷20%.</li> <li>- Đường sắt đô thị: Đến năm 2025 dự kiến 3 tuyến đường sắt đô thị đi vào hoạt động, đáp ứng 3%÷4,5% nhu cầu đi lại. Đến năm 2030, dự kiến 4-5 đoạn tuyến đường sắt đô thị đi vào hoạt động, đáp ứng 8%÷10,3% nhu cầu đi lại.</li> <li>- Xe taxi và xe hợp đồng, du lịch dưới 09 chỗ: Đến năm 2025 dự kiến phát triển 73.000-100.000 xe, đến năm 2030 dự kiến phát triển 79-108 nghìn xe. Trong đó phương tiện sử dụng năng lượng sạch từ 5%÷20%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạng lưới VTHKCC bằng xe buýt được TP đầu tư, phát triển cơ bản đáp ứng nhu cầu và kế hoạch phát triển. Tỷ lệ phương tiện buýt thân thiện MT (buýt CNG+điện) hiện nay đạt khoảng 13,3% đoàn phương tiện.</li> <li>- Tiến độ xây dựng các tuyến ĐSĐT còn chậm so với kế hoạch, hiện nay mới có 01 tuyến ĐSĐT số 2A đưa vào vận hành, khai thác từ 11/2021.</li> </ul>
-	Đề án Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2030.	Quyết định số 5953/QĐ-UBND Ngày 24/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cụ thể triển khai thực hiện các chỉ tiêu về phát triển vận tải hành khách công cộng đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân.</li> <li>- Xây dựng và triển khai đề án nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tạo sự kết nối hợp lý và thuận tiện.</li> <li>- Rà soát sửa đổi Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn.</li> <li>- Rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới và lựa chọn phương tiện xe buýt phù hợp với các tuyến đường, nâng cao chất lượng, hiệu quả vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội.</li> <li>- Rà soát, bố trí hợp lý các điểm dừng đỗ, điểm trung chuyển phục vụ kết nối giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng, các điểm giao thông tĩnh với phương tiện giao thông cá nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TP. Hà Nội đã rà soát, ban hành Nghị Quyết số 07/2019/NQ-HĐND về việc ưu tiên phát triển hệ thống VTHKCC khối lượng lớn, khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác, áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống GTVT.</li> </ul>

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, tiếp tục trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng.</li> <li>- Có cơ chế, chính sách khuyến khích để đổi mới đầu tư phương tiện theo hướng hiện đại hóa và phương tiện có mức phát thải đạt tiêu chuẩn Euro4, Euro5, sử dụng nhiên liệu sạch.</li> </ul>	
2	TP. Hồ Chí Minh			
-	Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014-2017.	Quyết định số 2545/QĐ-UBND Ngày 23/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư 1.680 xe buýt, trong đó có 300 xe buýt CNG (tỷ lệ 17,8%).</li> <li>- Các xe buýt sử dụng nhiên liệu khí nén thiên nhiên (CNG) phải đảm bảo các thông số kỹ thuật cơ bản của Dự án sản xuất 300 xe buýt sử dụng nhiên liệu CNG đã được thành phố phê duyệt.</li> <li>- Có cơ chế hỗ trợ lãi xuất vay vốn của ngân sách thành phố cho các đơn vị đầu tư mua sắm xe buýt sử dụng dầu Diesel và khí CNG.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến nay trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đã có 496 xe buýt CNG, chiếm khoảng 27% tổng đoàn phương tiện buýt của thành phố.</li> <li>- Thành phố đang thí điểm hoạt động của tuyến buýt điện đầu tiên số D4 từ 3/2022. Theo kế hoạch sẽ tiếp tục thí điểm thêm 04 tuyến buýt điện trong năm 2024, tuy nhiên hiện nay hoạt động của tuyến buýt điện D4 đang gặp khó khăn.</li> </ul>
-	Đề án Tăng cường vận tải hành khách công cộng kết hợp kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.	Quyết định số 3998/QĐ-UBND Ngày 27/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường vận tải hành khách công cộng: Gồm 17 giải pháp phát triển hệ thống, tăng cường tiếp cận, nâng cao tính cạnh tranh của vận tải hành khách công cộng; nâng cao chất lượng đoàn phương tiện và công tác quản lý điều hành, khai thác hệ thống vận tải hành khách công cộng.</li> </ul>	
3	Hải Phòng			
-	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải	Quyết định số 3962/QĐ-UBND Ngày 24/11/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2025: 100% xe buýt thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Phần đầu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 10-15%.</li> <li>- Từ năm 2030: Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh tối thiểu 50%; 100% xe taxi thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu về tỷ lệ đảm nhận của VTHKCC tại TP. Hải Phòng chưa khớp với mục tiêu đã đặt ra tại Quyết định 876: Đến năm 2050, tỷ lệ đảm nhận của VTHKCC tại các đô thị loại I đạt ít nhất 40%.</li> </ul>

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến năm 2040: Từng bước hạn chế tiến tới dừng sử dụng ô tô dùng nhiên liệu hóa thạch để sử dụng trên địa bàn thành phố.</li> <li>- Đến năm 2050: 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Phấn đấu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 15-40%.</li> </ul>	
-	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển hệ thống hạ tầng giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố đến năm 2030, định hướng sau năm 2030.	Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND Ngày 22/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> <li>+ Điều chỉnh mạng lưới xe buýt theo hướng tăng cường kết nối đến khu vực có nhu cầu đi lại cao tại các khu công nghiệp, các khu trung tâm và các bến xe, bến tàu và các tuyến buýt liên kết kết nối các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình.</li> <li>+ Cải tạo hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; đầu tư các bến, bãi xe buýt, kết nối vận tải hành khách công cộng với giao thông cá nhân, kết nối các tuyến vận tải hành khách công cộng với nhau.</li> <li>+ Xây dựng, triển khai kế hoạch hiện đại hóa phương tiện xe buýt theo từng giai đoạn, ưu tiên phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu một số phương thức vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn như tramway, trolley bus,... phù hợp với hạ tầng giao thông.</li> </ul>	<p>- Giai đoạn 2018-2020, VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn TP. Hải Phòng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid19. Bên cạnh đó, sự đầu tư thiếu đồng bộ, chất lượng dịch vụ chưa cao và khả năng truyền thông còn kém dẫn đến sụt giảm sản lượng hành khách. Quy mô đoàn phương tiện hiện nay chỉ còn 78 xe, chưa đạt mục tiêu đề ra theo Quy hoạch.</p>
-	Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn TP. Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Quyết định số 1239/QĐ-UBND Ngày 07/06/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu phương tiện xe buýt: Nhu cầu phương tiện đến năm 2020 là 258 xe; đến năm 2025 là 346 xe và đến năm 2030 là 443 xe.</li> <li>- Các giải pháp thực hiện: Giải pháp quản lý nhà nước về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Giải pháp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động xe buýt; Giải pháp thu hút hành khách sử dụng dịch vụ xe buýt; Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Giải pháp hợp tác quốc tế.</li> </ul>	

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
4	Đà Nẵng			
-	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT Đà Nẵng	Quyết định số 1957/QĐ-UBND Ngày 08/09/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2022 đến 2025: Tổ chức xây dựng và triển khai đầu tư theo lộ trình thay đổi nhiên liệu của các phương tiện công cộng từ xăng hay diesel sang các nhiên liệu sạch ít phát thải hơn, đạt tiêu chuẩn khí thải Euro tương ứng.</li> <li>- Từ năm 2025: 100% xe buýt thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Phân đấu tỷ lệ đảm nhận của VTHKCC đạt 25-35%.</li> <li>- Từ năm 2030: Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt tối thiểu 50%; 100% xe taxi thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Đến năm 2050: 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Phân đấu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt ít nhất 40%.</li> </ul>	- Các mục tiêu về chuyển đổi năng lượng xanh VTHKCC đường bộ của TP. Đà Nẵng đã thống nhất với các mục tiêu đặt ra tại Quyết định 876.
-	Đề án Nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh tổng thể hiện trạng mạng lưới các tuyến xe buýt nội thành và xe buýt liên tỉnh liền kề giữa TP. Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.	Quyết định số 1549/QĐ-UBND Ngày 10/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu đến năm 2025: VTHKCC bằng xe buýt đảm nhận khoảng 0,7%-0,85% tổng nhu cầu đi lại.</li> <li>- Đến năm 2030: VTHKCC bằng xe buýt đảm nhận khoảng 1,6%-2,0% tổng nhu cầu đi lại.</li> </ul>	- Mục tiêu đề án đặt ra còn kém rất xa chỉ tiêu phát triển mà Chính phủ đề ra với các đô thị loại I theo Quyết định số 876/QĐ-TTg hay Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
-	Đề án Nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	Quyết định số 5773/QĐ-UBND Ngày 21/12/2019	- Mục tiêu đến năm 2025 có 26 tuyến gồm: 04 tuyến BRT, 03 tuyến tiêu chuẩn dịch vụ BRT và 19 tuyến buýt thường. Đến năm 2030 có 28 tuyến gồm: 04 tuyến BRT, 03 tuyến tiêu chuẩn dịch vụ BRT và 21 tuyến buýt thường.	- Đến nay trên địa bàn thành phố có 11 tuyến buýt hoạt động. Trong đó có 6 tuyến khai thác bởi công ty cổ phần công nghiệp Quảng An 1 và 5 tuyến khai thác bởi công ty cổ phần xe khách Phương Trang. TP. Đà Nẵng cần tiếp tục phát triển, bổ sung mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật với có thể đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra trong các đề án.
-	Đề án Tăng cường vận tải công cộng kết hợp với kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông, kiểm soát và điều tiết hợp lý các phương tiện vận tải vào trung tâm thành phố.	Nghị Quyết số 102/2017/NQ-HĐND Ngày 07/07/2017	- Tiếp tục mở rộng mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để đảm bảo tính bao phủ, hiệu quả của hệ thống theo tiêu chí trong phạm vi 500 m người dân có thể tiếp cận sử dụng xe buýt (đạt tỷ lệ khoảng 40%-70% tại khu vực trung tâm thành phố). - Từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng vận tải hành khách công cộng. - Tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác. - Xây dựng chương trình quảng bá vận tải công cộng thành phố.	
5	Cần Thơ			
-	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của	Kế hoạch số 114/KH-UBND Ngày 02/06/2023	- Từ năm 2025: 100% xe buýt thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh. - Phân đấu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 20%. - Từ năm 2030: Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt tối thiểu 50%; 100% xe taxi thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.	- Các mục tiêu về chuyển đổi năng lượng xanh VTKKCC đường bộ của TP. Đà Nẵng đã thống nhất với các mục tiêu đặt ra tại Quyết định 876.

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
	ngành giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Cần Thơ		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến năm 2040: Từng bước hạn chế tiến tới dừng sử dụng ô tô dùng nhiên liệu hóa thạch để sử dụng trên địa bàn thành phố.</li> <li>- Đến năm 2050: 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh.</li> <li>- Phần đầu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 40%.</li> </ul>	
-	Kế hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố giai đoạn 2019-2021.	Quyết định số 2439/QĐ-UBND Ngày 11/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng thành phố Cần Thơ.</li> <li>- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ.</li> <li>- Kế hoạch phát triển mạng lưới tuyến xe buýt trong giai đoạn 2019-2021: Mời gọi nhà đầu tư tham gia khai thác 05 tuyến xe buýt không trợ giá trên địa bàn thành phố.</li> <li>- Một số cơ chế ưu đãi nhà đầu tư tham gia khai thác: Miễn giảm tiền thuê đất và khai thác các nguồn thu từ kinh doanh dịch vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty cổ phần xe khách Phương Trang FUTA Bus Lines đầu tư hệ thống xe buýt đời mới thay thế hệ thống xe buýt cũ có niên hạn sử dụng trên 20 năm (bao gồm xe Bus B40 và Bus B20) đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 4, phục vụ 07 tuyến xe buýt nội tỉnh, tổng số cự ly là 254,5 km với tổng số 42 xe.</li> </ul>
-	Đề án Tăng cường VTHKCC kết hợp với kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn; kiểm soát và điều tiết hợp lý các phương tiện vận tải vào trung tâm TP. Cần Thơ và thí điểm phát triển dịch vụ xe đạp	Quyết định số 62/QĐ-UBND Ngày 10/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng đa phương thức đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối và tiếp cận cao.</li> <li>- Cơ chế, chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng: Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động xe buýt gồm chính sách trợ giá, hỗ trợ lãi suất cho vay, thành lập Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để phục vụ cho công tác quản lý VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn thành phố. Hiện nay, Trung tâm Quản lý và Điều hành VTHKCC - Sở GTVT TP. Cần Thơ đang xây dựng 02 định mức: Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá cho hoạt động VTHKCC bằng xe buýt phục vụ cho công tác trợ giá; Định mức công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng vận tải hành khách công cộng phục vụ cho công tác quản lý thường xuyên và bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ VTHKCC.</li> </ul>

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
	công cộng khu vực trung tâm thành phố Cần Thơ.			
6	Gia Lai (VB 528/SGTVT-QLVTPNL)			
	Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê- tan của ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Kế hoạch số 1174/KH-UBND ngày 22/5/2023	<p>- Giai đoạn đến năm 2030: Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, đẩy mạnh chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với các lĩnh vực thuộc ngành giao thông vận tải đã sẵn sàng về mặt công nghệ, thể chế, nguồn lực nhằm thực hiện mức cam kết trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và mục tiêu giảm phát thải khí mê-tan của Việt Nam.</p> <p>- Giai đoạn đến năm 2050: Phát triển hợp lý các phương thức vận tải, thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi toàn bộ phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng giao thông vận tải sang sử dụng điện, năng lượng xanh, hướng đến phát thải ròng khí nhà kính về “0” vào năm 2050.</p>	Sở Giao thông vận tải đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể công chức, người lao động trong cơ quan về vai trò, ý nghĩa của sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và hiệu quả; tuyên truyền quy định của Nhà nước về tăng trưởng xanh đến các đơn vị trong ngành, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh vận tải, xây dựng cầu đường,...Đồng thời, tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu đề xuất giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; gắn nhiệm vụ chuyên môn với thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch; đưa nhiệm vụ tăng trưởng xanh vào chương trình công tác năm, hoạt động của ngành; mỗi công chức, người lao động phải thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Gia Lai

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
	Chính sách đặc thù để hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng.		Đang thực hiện nghiên cứu	Sở Giao thông vận tải đang cùng với các sở ngành, địa phương liên quan tích cực làm việc với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast để trao đổi tình hình phát triển giao thông vận tải xanh trên địa bàn tỉnh Gia Lai, xây dựng kế hoạch phát triển xe điện trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải, đặc biệt là phát triển giao thông xanh, đảm bảo nâng cao năng lực vận tải, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
7	Yên Bái (VB 343/SXD-QLVT,PT&NL)			
	Kế hoạch phát triển phương tiện giao thông xanh trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025	Giao cho các Sở, ban, ngành căn cứ tình hình thực tế tại địa phương tham mưu các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi đầu tư mới các phương tiện chạy bằng nhiên liệu xanh để thay thế các phương tiện cũ chạy bằng năng lượng hóa thạch; các chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng khi tham gia giao thông	Chưa ban hành chính sách
	Chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng	Đã đăng ký chương trình với Hội đồng nhân dân tỉnh	Xem xét Quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng	Chưa ban hành chính sách



TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
			bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé, dự kiến thời gian ban hành vào Quý IV năm 2025	
8	Bắc Giang (VB 603/SGTVT-QLVTPT&NL)			
	Phát triển vận tải hành khách đưa đón công nhân giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2021- 2025	<i>Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 27/5/2021)</i>	(i) Miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch (theo quy định tại khoản 2, Điều 5, Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg); (ii) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tiền lãi vay ngân hàng trong 03 năm đầu để đầu tư mua mới phương tiện vận tải hành khách đưa đón công nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (iii) Ngân sách tỉnh trợ giá đối với các tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối tại các khu công nghiệp theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg.	
	Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải	Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 12/6/2023	Cụ thể: (i) Giai đoạn 2022-2030, đầu tư thêm khoảng 100 xe buýt mới, thay thế 12 xe buýt hiện có do hết niên hạn sử dụng; thí điểm sử dụng xe buýt nhiên liệu sạch (khí nén tự nhiên CNG) và xe buýt chạy bằng điện trên một số tuyến phục vụ du lịch và tuyến buýt đến các KCN trên địa bàn tỉnh. Phân đấu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 5%; (ii) Giai đoạn 2030-2040, đầu tư thêm khoảng 200 xe buýt mới, thay thế toàn bộ số xe buýt hiện có; đưa vào sử dụng khoảng 30 xe chạy bằng điện, 90 xe chạy bằng nhiên liệu khí nén tự nhiên CNG. Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt tối thiểu 50%; 100% xe taxi thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh;	Đã khuyến khích việc đầu tư các phương tiện xe buýt sử dụng nhiên liệu giảm ô nhiễm môi trường (như khí nén tự nhiên CNG) đặc biệt là xe buýt chạy bằng điện. Đến năm 2025 cần đầu tư mới tổng số khoảng 300 phương tiện (đầu tư cho tuyến mới 258 xe; thay thế phương tiện cũ 42 xe) loại B 40 (23 ghế ngồi và 17 chỗ đứng), trong đó: có ít nhất 10% xe buýt chạy bằng điện (khoảng 30 xe) và 30% sử dụng nhiên liệu khí nén tự nhiên CNG (khoảng 90 xe).

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
			(iii) Đến năm 2050: 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh. Phân đầu tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 10%.	
	Đề án phát triển giao thông công cộng thông minh	Dự kiến trình năm 2025	Đề án phát triển giao thông công cộng thông minh trong năm 2025, với nhiều giải pháp nhằm khuyến khích người dân chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng. Một số giải pháp mang tính ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số như: triển khai vé điện tử, ứng dụng đặt vé và tra cứu thông tin xe buýt, bổ sung hệ thống thông báo điện tử trên xe để hiển thị tuyến đường, điểm dừng tiếp theo...	
9	Thanh Hoá (VB 1070/SGTVT-QLVT)			
	Chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2024	Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	(1) Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện; (2) trợ giá đối với các tuyến mở mới, tuyến khôi phục lại thông qua đấu thầu.	Sở Giao thông vận tải đang xây dựng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá
	Chuyển đổi phương tiện chạy bằng năng lượng xanh theo lộ trình chỉ đạo của Thủ	Đang xây dựng	Dự kiến nội dung - Chính sách cụ thể về lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng sạch nhằm hỗ trợ các	

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
	tướng Chính phủ tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022		doanh nghiệp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi phương tiện chạy bằng năng lượng xanh theo lộ trình chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022. - Hỗ trợ giá điện cho các trạm sạc điện ô tô để giảm chi phí vận hành đối với xe điện. - Ban hành Định mức khung kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện.	
10	Đồng Nai (VB 965/SGTVT-QLVTPT&NL)			
	Đề xuất bổ sung cơ chế, chính sách		Nội dung đề xuất, nghiên cứu bổ sung: 1. Cơ chế chính sách đối với doanh nghiệp vận tải - Miễn phí sử dụng đường bộ và phí sử dụng đường bộ qua các trạm thu phí đối với xe buýt sử dụng năng lượng sạch (khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện). - Miễn tiền thuê đất cho phần diện tích dành cho bố trí trạm sạc, trạm nạp nhiên liệu sạch. - Hỗ trợ lãi suất đầu tư trạm sạc, trạm nạp nhiên liệu sạch. - Ưu đãi giá điện, giá nhiên liệu đối với xe buýt sử dụng năng lượng sạch. - Giảm hoặc miễn phí dịch vụ ra vào bến, trạm. 2. Cơ chế, chính sách đối với người dân, người tham gia phương tiện giao thông công cộng - Miễn tiền vé hoặc giảm giá vé đối với người có công, người cao tuổi, học	

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
			<p>sinh, sinh viên, công nhân, người lao động có thu nhập thấp.</p> <p>- Ưu tiên bố trí điểm trông giữ xe cá nhân miễn phí tại các điểm dừng, đỗ, trung chuyển cho hành khách.</p> <p>3. Chính sách khác</p> <p>- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho công tác xây dựng chương trình, dự án, đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đường sắt trên cao, metro tại địa phương.</p> <p>- Ưu tiên bố trí quỹ đất để xây dựng các điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt, các điểm trông giữ xe miễn phí,...</p> <p>phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; ưu tiên bố trí quỹ đất tại ga đường sắt, cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa để xây dựng điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt đảm bảo kết nối hoạt động VTHKCC bằng xe buýt với các phương thức vận tải khác khác.</p>	
11	Long An (VB 926/SGTVT-QLVTPT&NL)			
	Cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng			Sở Giao thông vận tải Long An chưa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
12	Phú Thọ (VB 534/SGTVT-QLVT)			
	Chương trình chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải	Kế hoạch 1932/KH-UBND ngày 29/5/2023	Giao cho các Sở, ban, ngành căn cứ tình hình thực tế tại địa phương (1) tham mưu các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi đầu tư mới các phương tiện chạy bằng nhiên liệu xanh để thay thế các phương tiện cũ chạy bằng năng lượng hóa thạch; (2) nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng khi tham gia giao thông; (3) Nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ cho các đơn vị vận tải mở mới tuyến buýt và điều chỉnh hành trình của một số tuyến vận tải cố định, tuyến buýt có tần suất cao đi qua khu công nghiệp để phục vụ nhu cầu đi lại của lượng lớn người lao động làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần giảm thiểu phương tiện cá nhân; (4) Khuyến khích các đơn vị vận tải thực hiện miễn giảm giá vé cho học sinh, sinh viên, người cao tuổi, người khuyết tật, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp. Trong thời gian tới, Sở Giao thông vận tải tiếp tục phối hợp với các sở, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách đảm bảo hỗ trợ phát triển giao thông công cộng.	
	Chính sách phát triển giao thông công cộng	Chưa ban hành		Đang nghiên cứu tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng cho các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Nghị quyết cũng bao gồm các chính

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
				sách hỗ trợ kinh phí hoạt động xe buýt, trợ giá vé cho người sử dụng thông qua chính sách miễn, giảm giá vé
13	Lạng Sơn (VB 477/SGTVT-QLVTPT&NL)			
	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan trong giao thông vận tải	Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 18/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh tuyên truyền đến toàn thể người dân về lộ trình, chính sách, lợi ích của việc chuyển đổi phương tiện, thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải theo lộ trình tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Phối hợp tuyên truyền, khuyến khích người dân chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng khi tham gia giao thông nhằm giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.</li> <li>- Tuyên truyền, vận động các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi đầu tư mới các phương tiện chạy bằng nhiên liệu sạch để thay thế các phương tiện đã cũ theo đúng lộ trình tại Quyết định số 876/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Tham mưu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; phát triển nguồn nhân lực sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao, quản lý, khai thác, vận hành công nghệ mới về phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng xanh.</li> </ul>	
	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử	Đang nghiên cứu		Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn đang tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết nội dung được Luật Đường bộ giao về

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
	dụng phương tiện giao thông công cộng			Nghị quyết hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó có các chính sách hỗ trợ để các doanh nghiệp xe buýt chuyển đổi sang xe buýt điện.
14	Nghệ An (Văn bản số 609/SGTVT-VT)			
	Chuyển đổi phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng	Đề xuất bổ sung	<p>Nội dung đề xuất:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đối với doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> <li>Miễn, giảm phí đường bộ đối với phương tiện công cộng</li> <li>Hỗ trợ lãi suất vay mua sắm phương tiện</li> <li>Ưu tiên cung cấp nguồn điện cho hệ thống trạm sạc, hỗ trợ giá điện</li> <li>Ưu tiên về tuyến đường, khu vực hoạt động</li> </ul> </li> <li>Đối với người dân <p>Miễn, giảm giá vé cho người dân tham gia giao thông bằng phương tiện công cộng</p> </li> </ol>	
15	Bắc Kạn (VB 263/SGTVT-QLVTPT&NL)			

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng	Chưa thực hiện		
16	Sơn La (Văn bản số 611/SGTVT-QLVT-PTNL)			
	Cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi cho phát triển vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Sơn La.	- Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 18/7/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu phương tiện, linh kiện lắp ráp xe buýt; miễn, giảm phí sử dụng đường bộ đối với phương tiện xe buýt; miễn thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.</li> <li>- Hưởng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế theo quy định.</li> <li>- Miễn nộp các khoản dịch vụ lưu đậu khi chờ đón, trả khách ở các bến xe khách được đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước.</li> <li>- Được hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu ban đầu như: Trạm chờ tại các điểm đỗ trên tuyến xe buýt, lắp đặt biển báo, sơn kẻ vạch đường, các điểm đỗ theo tuyến và theo đúng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> <li>- Ưu tiên quỹ đất để xây dựng bến bãi, điểm dừng đỗ; miễn thuế đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải khách công cộng.</li> </ul>	
	Đề xuất bổ sung chính sách		<p>Nội dung đề xuất</p> <p>2.1. Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng đường bộ; cụ thể: Vận tải hành khách công cộng đường bộ gồm vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải</p>	



TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
			<p>hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức văn bản: Luật Đường bộ.</li> <li>- Cơ quan ban hành: Quốc hội.</li> </ul> <p>2.2. Hỗ trợ tài chính hoặc vay ưu đãi cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đầu tư phương tiện công cộng (quy định rõ định mức hỗ trợ, % lãi xuất ưu đãi vay tại các ngân hàng, trách nhiệm của các ngân hàng, doanh nghiệp kinh doanh vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan). - Hình thức văn bản: Nghị định, Nghị quyết, Quyết định, Thông tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan ban hành: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền.</li> </ul> <p>2.3. Chính phủ trợ giá đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng tại các địa phương có nguồn ngân sách hạn chế, bao gồm hỗ trợ tài chính trực tiếp, ưu đãi thuế...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức văn bản: Nghị định, Nghị quyết, Quyết định.</li> <li>- Cơ quan ban hành: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul> <p>2.4. Khuyến khích phát triển các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt không được trợ giá; đơn giản hóa thủ tục đăng ký khai thác đối với các tuyến trên (bãi bỏ quy định đấu thầu, đặt hàng; quy định thực hiện đăng ký khai thác tuyến).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức văn bản: Nghị định.</li> <li>- Cơ quan ban hành: Chính phủ.</li> </ul> <p>2.5. Trợ giá cho người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng đặc biệt là học sinh, sinh viên, công nhân, người cao tuổi, người thu nhập thấp; người khuyết tật được miễn phí hoặc giảm giá đáng kể.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức văn bản: Nghị định, Nghị quyết, Quyết định.</li> <li>- Cơ quan ban hành: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>	

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
17	Đồng Tháp (VB 369/SGTVT-VTPT&NL)			
	Chính sách hỗ trợ đối với loại hình vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	Đang áp dụng	
18	Tiền Giang (VB 450/BC-SGTVT)			
	Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	- Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư xây dựng bãi đỗ xe buýt;</li> <li>- Hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa ban hành cơ chế, chính sách trợ giá cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng theo Điều 7 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Kiến nghị: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách trợ giá và miễn, giảm thuế khi mua xe sử dụng điện, năng lượng xanh; cơ chế, chính sách trợ giá xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ chuyển đổi năng lượng xanh như tiền thuê đất xây dựng, lắp đặt trạm sạc điện...</li> <li>+ Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đề xuất Bộ Tài chính là cơ quan ban hành Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh quyết toán đối với chính sách miễn, giảm giá vé cho</li> </ul> </li> </ul>

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
				người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; thủ tục thanh quyết toán trợ giá mua xe buýt điện, năng lượng xanh; miễn, giảm thuế.
	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải	Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 05/6/2023	Đang thực hiện	
19	Hà Giang (VB 279/SGTVT-VTPT&NL)			
	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải	Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 19/03/2023	Đang thực hiện	Hiện nay, Sở GTVT đang rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Hà Giang

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
20	An Giang (VB 408/SGTVT-QLVTPT&NL)			
	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng	Đang xây dựng		Ngày 31/12/2024 Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang đã có Tờ trình số 3204/TTr-SGTVT về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt trên địa bàn tỉnh An Giang. Dự kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết vào tháng 4/2025.
21	Quảng Ngãi (VB 509/SGTVT-QLVT)			
	Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016	Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng (HKCC) bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trong đó thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện vận tải, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải HKCC bằng xe buýt; hỗ trợ giá vận chuyển trên một số tuyến xe buýt; miễn, giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải HKCC bằng xe buýt.	Kiến nghị: 1. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. 2. Sửa đổi trình tự, thủ tục vay vốn tại Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
				<p>định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng doanh nghiệp dễ tiếp cận vốn vay từ các tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, đầu tư cảng biển phục vụ vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh.</p>
22	Vĩnh Phúc (VB 542/SGTVT-QLVT)			
	Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mua sắm mới phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (<i>Mức hỗ trợ: Bằng 80% lãi suất vay trong hạn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và mua sắm mới phương tiện xe buýt, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế.</i>)</li> <li>- Cơ chế hỗ trợ chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.</li> <li>- Quy định giá vé các tuyến xe buýt được hỗ trợ chi phí từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.</li> <li>- Quy định về miễn, giảm giá vé: Miễn vé đi lại (<i>Trẻ em dưới 06 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng</i>); Giảm 20% giá vé tháng (<i>Người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam</i>).</li> </ul>	<p>Sở Giao thông vận tải đã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án “<i>Nâng cao chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025</i>” tại Tờ trình số 563/TTr-SGTVT ngày 15/3/2021; Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; theo đó, mở rộng và phát triển mạng lưới tuyến lên 17 tuyến đảm bảo phát triển đồng bộ, phủ kín các khu vực quan trọng bảo đảm cho tiếp cận tới mọi đối tượng hành khách, chú trọng đến công nhân các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Đến nay, 09 tuyến buýt đã đi vào hoạt động để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân nói chung, công nhân đang làm</p>

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
				việc tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng, gồm: VP-01 ( <i>Bồ Sao, Vĩnh Tường – KCN Quang Minh</i> ), VP-03 ( <i>Bến xe Vĩnh Yên - Bến xe Sông Lô</i> ), VP-04 ( <i>Bến xe Vĩnh Yên - Cao Đại, Vĩnh Tường</i> ), VP-05 ( <i>Bến xe Vĩnh Yên - Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường</i> ), VP-06 ( <i>Bến xe Vĩnh Yên - Quang Sơn, Lập Thạch</i> ), VP-07 ( <i>Vĩnh Yên - Bồ Lý, Tam Đảo</i> ), VP-08 ( <i>Phúc Yên - Bến xe Trung tâm TT. Vĩnh Tường</i> ), VP-09 ( <i>Kim Xá, Vĩnh Tường - Phúc Yên</i> ), VP-10 ( <i>Bến xe Lập Thạch - Bến xe Phúc Yên</i> ); 100% các tuyến xe buýt đều được trợ giá từ ngân sách tỉnh.
23	Điện Biên (VB 448/SGTVT-QLVTPT&NL)			
	Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải	Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 05/01/2024	Giao cho các Sở, ban, ngành căn cứ tình hình thực tế tại địa phương tham mưu các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi đầu tư mới các phương tiện chạy bằng nhiên liệu xanh để thay thế các phương tiện cũ chạy bằng năng lượng hóa thạch; các chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng khi tham gia giao thông.	
	Chính sách phát triển vận tải công cộng	Đang xây dựng	Dự kiến ban hành Quý II/2025	

TT	Cơ chế, chính sách	Số hiệu văn bản	Nội dung chính có liên quan	Đánh giá thực hiện, đề xuất
24	Kon Tum (VB 334/SGTVT-QLVT,PT&NL)		Chưa ban hành	
25	Nam Định (VB 485/SGTVT-QLVT,PT&NL)			
	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng	Nghị quyết số 133/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt trên địa bàn tỉnh Nam Định	Nghị quyết ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để tăng cường đầu tư phương tiện xe buýt mới, chất lượng tốt phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.